TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2023/DS-ST
Ngày 12 – 7 – 2023
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực.

Ông Nguyễn Hoàng Ảnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023 tại điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi và điểm cầu trụ sở Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 327/2023/TLST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2023 về việc "tranh chấp đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Văn P, sinh năm 1949. Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T1, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm Văn P: Bà Trần Kim Xuyến – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị T. Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã T2, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan*: Ông Phạm Văn Đ. Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã T2, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại phiên tòa của ông Phạm Văn P, thể hiện:*

Vào năm 2013 ông P cầm cố phần đất diện tích 05 công tầm lớn của ông Lê Văn K, bà Nguyễn Thị T thời hạn 03 năm, với giá là 25 chỉ vàng 24k, sau khi cầm cố, ông P không trực tiếp sử dụng đất mà cho ông K, bà T thuê lại với

giá 5.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện, ông K, bà T có trả tiền thuê nhưng không đầy đủ và còn thiếu lại 38.000.000 đồng; sau đó ông K, bà T đã trả 15 chỉ vàng 24k và thiếu lại 10 chỉ vàng 24k.

Do ông K, bà T còn thiếu 10 chỉ vàng nên khi biết ông K, bà T cố phần đất cho ông Phạm Văn Đ vào năm 2019 thì ông đã ngăn cản; khi này ông Đ đồng ý trả 10 chỉ vàng thay cho ông K, bà T nên ông đồng ý để ông K cố phần đất cho ông Đ và trả lại giấy cầm cố cho ông K, bà T; tuy nhiên, do ông K, bà T không làm biên nhận nên ông Đ không trả cho 10 chỉ vàng 24k còn thiếu.

Theo ông P xác định, đây là khoản nợ của ông K, bà T, do ông K, bà T không làm biên nhận nên ông Đ không trả số vàng cho ông; do vậy, ông P yêu cầu ông K, bà T trả 10 chỉ vàng 24k còn thiếu (không yêu cầu ông Đ phải thực hiện) và ông rút lại không yêu cầu số tiền thuê đất còn thiếu 38.000.000 đồng.

** Quá trình tống đạt các văn bản tố tụng, ông Lê Văn K, bà Nguyễn Thị T có ý kiến*: Các đương sự không đồng ý trả cho ông Phạm Văn P 10 chỉ vàng 24k và tiền thuê đất 38.000.000 đồng do đã thanh toán xong cho ông P.

** Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ông Phạm Văn Đ có ý kiến*: Vào năm 2019, ông Đ cầm cố phần đất của ông Lê Văn K, bà Nguyễn Thị T với giá là 600.000.000 đồng, thời hạn cố là 06 năm; sau khi đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng thì ông Đ bết việc ông K, bà T cố 05 công đất này cho ông P. Địa phương đã mời các bên để giải quyết việc tranh chấp, tại buổi làm việc, ông K, bà T có đưa 15 chỉ vàng 24k và nợ lại 10 chỉ vàng 24k nhưng ông P không đồng ý. Lúc này ông Đ nói với ông K nếu không có khả năng thì ông Đ sẽ trả thay số vàng còn lại cho ông P nhưng với điều kiện ông K làm biên nhận nợ nhưng không thực hiện nên ông không trả cho ông P 10 chỉ vàng, ông K có cam kết 01 năm sẽ trả trực tiếp cho ông P 10 chỉ vàng nhưng sau đó ông K, bà T vẫn chưa thực hiện.

Tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Lê Văn K, bà Nguyễn Thị T trả cho ông Phạm Văn P 10 chỉ vàng 24k.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Phạm Văn P khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn K, bà Nguyễn Thị T trả số vàng cố đất còn thiếu. Tuy nhiên, giao dịch cầm cố đã chấm dứt vào năm 2016 và ông K, bà T chưa thực hiện trả số vàng còn thiếu nên quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án này là "tranh chấp đòi lại tài sản" thuộc thẩm quyền của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông K, bà T và ông Phạm Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào

điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông P thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu ông Đ liên đới cùng ông K, bà T trả lại 10 chỉ vàng 24k mà yêu cầu ông K, bà T trực tiếp thực hiện nghĩa vụ trả nợ và rút lại phần yêu cầu tiền thuê đất còn lại với số tiền là 38.000.000 đồng.

Xét thấy, việc rút một phần và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và là quyền định đoạt của đương sự, không trái quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quá trình nhận các văn bản tố tụng, ông K, bà T thừa nhận có thiếu ông P 10 chỉ vàng 24k đây là những vẫn tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, ông K, bà T xác định đã trả số vàng cho ông P nên không còn thiếu. Xét thấy: Ngoài ý kiến của mình thì ông K, bà T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ; trong khi đó trình bày của ông P phù hợp với trình bày của ông Phạm Văn Đ và xác nhận của ông Trần Biết Đ2 – Nguyên Trưởng ấp Nhị Nguyệt là người trực tiếp hòa giải tranh chấp giữa ông P, ông K và ông Đ nên có căn cứ xác định ông K, bà T chưa trả cho ông P 10 chỉ vàng 24k còn thiếu. Do vậy, việc ông K, bà T xác định đã trả xong số vàng này cho ông P là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Văn Đ thừa nhận sẽ đứng ra trả cho ông P 10 chỉ vàng 24k thay cho ông K, bà T với điều kiện ông K phải làm biên nhận nợ cho ông Đ nhưng sau đó ông K không thực hiện; đây là thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ có điều kiện nhưng việc ông K không thực hiện nên không thể buộc ông Đ cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông P số vàng trên; đây là nghĩa vụ của ông K, bà T với ông P. Do đó, ông P thay đổi một phần yêu cầu về việc buộc ông K, bà T trả 10 chỉ vàng 24k là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông K, bà T phải chịu là: 10 chỉ vàng 24k x 5.570.000 đồng/chỉ x 5% = 2.785.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn P về yêu cầu ông Lê Văn K, bà Nguyễn Thị T trả số tiền thuê đất là 38.000.000 đồng (ba mươi tám triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn P. Buộc ông Lê Văn K, bà Nguyễn Thị T phải trả cho ông P 10 (mười) chỉ vàng 24k.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn K, bà Nguyễn Thị T phải chịu 2.785.000 đồng (hai triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng) (chưa nộp)

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn